|  |
| --- |
| ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 1 |
| **TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ** |
| **CHU VĂN AN** |

**HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC TUẦN 12**

**MÔN TIẾNG ANH 9**

**(Từ 29/11/2021 đến 3/12/2021)**

1. **Giáo viên biên soạn Tài liệu học tập và Phiếu hướng dẫn học sinh tự học**

**PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **NỘI DUNG** | **NỘI DUNG GHI BÀI** |
| **Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp 9** | **UNIT 4: LEARNING A FOREIGN LANGUAGE**  **Write+ Language focus** |
| **Hoạt động 1**: | 1. **VOCABULARY:**   1. Supply (n, v)  🡪 supply something **to** somebody   * supply somebody **with** something   2. Provide  🡪 provide somebody **with** something   * provide something **for** somebody * Provision for/ against (n)   3.Politeness (n)   * (im)polite to somebody / something (adj)   4. (in)formal (adj)  🡪 (In)Formally (adv)  5. Advertise  🡪 Advertise for someone / something (v)   * Advertisement = ad= advert (n) * advertiser (n) * advertising (n)   6. Inform (v)  🡪 Information (n)   * Informative (adj) * Informatively (adv) * Học sinh ghi từ mới và học từ.  1. **GRAMMAR:**  * Học sinh ôn lại nội dung bài Reported Speech tuần 10.   **MODAL VERBS WITH IF:**  Eg: If you come at eight, I will be already.  You can come home if you finish your work.  **If + S + V(simple present), S + Modal verbs + Vbare**   * Động từ tình thái (modals) must, can, could, may, might, ought to, have to, should,...có thể được dùng trong cấu điều kiện if để diễn đạt một điều gì đó chắc chắn hoặc có khả năng xảy ra trong hiện tại hoặc tương lai. |
| **Hoạt động 2**: | 1. **Write: Học sinh đọc và viết lại một đoạn văn theo mẫu: SGK/31**   Dear Sir,  I saw your institution's advertisement in today's local newspaper.  I am interested in learning English and I would like some more information about your school.  I can speak a little English, but I want to learn to speak more fluently and write well. Could you please send me the details of courses and fees?  I look forward to hearing from you.  Yours sincerely,  Marie  **II. Language focus:**  **1. Complete the sentences. Use the modal verbs in brackets and the information in the box**  a) Lan: My grades are terrible.  Mrs. Quyen: If you want to get good grades, you must study hard.  b) Hoa: I'd like to be a doctor.  Aunt Thanh: You have to go to university if you want to study medicine.  c) Ba: Oh, no! I weigh 60 kilos!  Nga: If you want to lose weight, you should do exercise.  d) Tuan: Where's Ba? He's very late.  Mrs. Hoa: If he doesn't come soon, he might miss the train.  e) Mr. Ha: I feel sick.  Mrs. Nga: If you want to get well, you ought to stay in bed.  f) Na: I'd like to go to the movies.  Mrs. Kim: You must do your homework if you want to go out.  **2.Complete the table.**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Direct speech** | **Reported speech** | **Direct speech** | **Reported speech** | | present simple tense | past simple tense | these | those | | present progressive tense | past progressive tense | here | there | | future simple tense | present conditional | now | then | | can/ may | could/ might | today | that day | | must | had to/ must | tomorrow | the following day |   **3. Lan's father held a party to celebrate his mother's birthday. Unfortunately, Mrs Thu, her grandmother, has a hearing ...**  a) Uncle Hung said (that) the birthday cake was delicious.  b) Miss Nga said (that) she loved the roses.  c) Cousin Mai said (that) she was having a wonderful time there.  d) Mr. Chi said (that) he would go to Hue the following day.  e) Mrs. Hoa said (that) she might have a new job.  f) Mr. Quang said that he must leave then.  **4. This morning Nga had an interview for a summer job. When she arrived home, she told her mother about the interview.**  a) She asked me how old I were.  b) She asked me if my school near there.  c) She asked me what the name of my school.  d) She asked me whether you went to school by bicycle.  e) She asked me which grade I'm in.  f) She asked me if I could/ can use a computer.  g) She asked me why I wanted that job.  h) She asked me when my school vacation started. |

1. **Giáo viên hướng dẫn học sinh ghi chép lại các câu hỏi thắc mắc, các trở ngại của học sinh khi thực hiện các nhiệm vụ học tập.**

Trường:

Lớp:

Họ tên học sinh

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Môn học** | **Nội dung học tập** | **Câu hỏi của học sinh** |
| Anh | 1. Modal verbs with if 2. Reported speech | 1.  2. |